UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2018/QĐ-UBND	*Đồng Tháp, ngày 18 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định khung giá dịch vụ sử dụng đò (Bến khách ngang sông) Phong Hòa - Thới An

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Tháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định khung giá dịch vụ sử dụng đò (Bến khách ngang sông) Phong Hòa - Thới An thuộc Phà Đồng Tháp quản lý, khai thác.

2. Quyết định này áp dụng đối với người và các phương tiện tham gia giao thông đường bộ khi qua đò (Bến khách ngang sông) Phong Hòa - Thới An.

3. Ban ngày và ban đêm thu cùng một mức giá.

Điều 2. Biểu khung giá

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

TT	ĐỐI TƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	KHUNG GIÁ TỐI ĐA ĐÃ BAO GỒM THUẾ VAT VÀ BẢO HIỂM HÀNH KHÁCH	GHI CHÚ
I	**Khung giá theo lượt**			Tính chung cho người, xe và hàng hóa trên xe
1	Xe mô tô 02 bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự; xe thô sơ (xe lôi, ba gác, xích lô và các loại xe tương tự).	đồng/lượt	5.000	
2	Xe ô tô khách dưới 12 ghế ngồi, xe lam và các loại xe tương tự.	đồng/lượt	25.000	
3	Xe ô tô chở hàng có tải trọng dưới 03 tấn.	đồng/lượt	25.000	
4	Xe ô tô khách từ 12 ghế ngồi đến dưới 16 ghế ngồi; xe ô tô chở hàng có tải trọng từ 03 tấn đến dưới 07 tấn.	đồng/lượt	35.000	
5	Xe ô tô khách từ 16 ghế ngồi đến dưới 30 ghế ngồi.	đồng/lượt	50.000	
6	Xe ô tô khách từ 30 ghế ngồi trở lên; xe tải và các loại xe chuyên dùng có tải trọng từ 07 tấn đến dưới 10 tấn.	đồng/lượt	60.000	
7	Xe ô tô chở hàng có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 16 tấn, xe rơ móc.	đồng/lượt	70.000	
II	**Khung giá bao chuyến**			
1	Thuê cả chuyến phà loại từ 40 tấn đến 60 tấn	đồng/chuyến	200.000	
2	Thuê cả chuyến phà loại 100 tấn	đồng/chuyến	300.000	
III	**Khung giá theo tháng**			
1	Xe mô tô 02 bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự.	đồng/xe/tháng	120.000	
2	Xe ô tô dưới 16 ghế ngồi	đồng/xe/tháng	Mức thu bằng 30 lần khung giá theo lượt đối với từng đối tượng tương ứng tại mục I nêu trên	

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Điều 3. Quy định về khung giá theo tháng

1. Đối tượng mua vé tháng: xe gắn máy, xe mô tô 02 bánh và các loại xe tương tự; xe ô tô dưới 16 ghế ngồi.

2. Thời gian áp dụng: vé tháng được phát hành trong tháng, kể từ ngày 01 đến ngày kết thúc tháng theo thời hạn ghi trên vé, không phân biệt thời gian ban ngày hay ban đêm.

Điều 4. Đối tượng được miễn giá dịch vụ sử dụng đò

1. Hành khách đi bộ.

2. Hành khách điều khiển xe đạp và phương tiện xe đạp 02 bánh (kể cả xe đạp điện).

3. Xe cứu thương, bao gồm cả các loại xe khác đang chở người bị tai nạn đến nơi cấp cứu.

4. Xe cứu hỏa.

5. Xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão.

6. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh, bao gồm: xe tăng, xe bọc thép, xe kéo pháo, xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân.

7. Xe, đoàn xe đưa tang.

8. Đoàn xe có xe hộ tống, dẫn đường.

9. Xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa đến những nơi bị thảm hoạ hoặc đến vùng có dịch bệnh.

Điều 5. Quản lý và sử dụng nguồn thu

1. Khi thu tiền phải có biên lai, hóa đơn thu theo quy định; đơn vị thu phải thực hiện niêm yết công khai giá dịch vụ tại nơi thu tiền.

2. Đơn vị thu phải mở sổ sách, kế toán theo dõi, phản ánh việc thu, nộp và quản lý, sử dụng nguồn thu, thực hiện nộp thuế theo quy định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND thành phố Cần Thơ;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Đồng Tháp, Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử Tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH-HSĩ.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Hồng Phúc

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn